

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**  
Bản án số:160/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 - 10 - 2022  
V/v “Không công nhận quan hệ  
vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Quyên;
2. Ông Nguyễn Văn Dương.

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Minh Liệt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 513/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXXST-HN, ngày 04 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** **Mai Hoàng T**, sinh năm 1983.

*Địa chỉ:* ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

*Chỗ ở:* ấp A, xã M, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

***2. Bị đơn:*** **Lương Văn M**, sinh năm 1979.

*Địa chỉ:* ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Mai Hoàng T (Sau đây gọi chị T) trình bày:*

Giữa chị và bị đơn Lương Văn M (sau đây gọi anh M) qua tìm hiểu nhau, tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn nhưng đã mất giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và xin trích lục thì hồ sơ xã không còn bộ lưu. Vợ chồng chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi vã nhau, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh M.

-Về con chung: Có một người con chung tên Lương Thị Thục Q (Nữ), sinh ngày 05 tháng 5 năm 2020, từ khi ly thân đến nay con chung do chị nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu anh M cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình tố tụng bị đơn Lương Văn M có lời trình bày:*

Thừa nhận lời trình bày của chị Thảo về quan hệ hôn nhân, con chung, thời gian ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên sống chung không hạnh phúc, bản thân anh cũng đồng ý ly hôn. Đồng ý để vợ nuôi con chung, anh chưa cấp dưỡng. Về nợ và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; giao con chung cho nguyên đơn nuôi, bị đơn chưa cấp dưỡng; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Lương Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với Lương Văn M.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị T tự nguyện tiến tới đời sống chung như vợ chồng vào năm 2018. Theo các bên xác định là có đăng ký kết hôn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh là có đăng ký kết hôn.

Đồng thời, tại Văn bản số 19 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Long Thạnh xác định là không có bộ lưu. Do các đương sự không chứng minh được nên trường hợp này xem là không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh, chị là hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Trong thời gian chung sống giữa chị và anh M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng không có biện pháp để hòa giải đoàn tụ mà đã chọn cách sống ly thân, xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện để anh, chị được đoàn tụ và tiến tới đăng ký kết hôn theo quy định nhưng cả hai người đều xác định là sống chung không hạnh phúc và cương quyết không muốn kéo dài cuộc sống chung. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do hôn nhân giữa anh, chị không đăng ký kết hôn nên khi có yêu cầu ly hôn; Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình: Không công nhận anh, chị là quan hệ vợ chồng.

[5] Về con chung: Có một người con chung. Anh M và chị T không có tranh chấp về quyền nuôi con. Chị T yêu cầu nuôi con, anh M cũng đồng ý nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là giao con chung cho chị Thảo nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh M có yêu cầu khác. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh M mà không ai có quyền cản trở.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T chưa yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

[8] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận;

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 14, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Hoàng T và anh Lương Văn M.

2. Về nuôi con chung, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Mai Hoàng T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Thị Thục Q (Nữ), sinh ngày 05 tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi hoặc khi anh M, chị T có yêu cầu khác.

Anh Lương Văn M chưa phải cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Lương Văn M mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Mai Hoàng T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008394, ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã T, h. H; t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**  
**Nguyễn Thanh Liêm**